**Khung ma trận đề kiểm tra cuối kì 2 – Lớp 10**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu****(TL)** | **Vận dụng****(TL)** | **Vận dụng cao****(TL)** |  |
| **TN****KQ** | **TL** | **TN****KQ** | **TL** | **TN****KQ** | **TL** | **TN****KQ** | **TL** |  |
| **Phân môn Địa lí** |
| **1** | **Địa lí dân cư** | –Dân số và sự phát triển dân số trên thế giới | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| – Gia tăng dân số | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| – Cơ cấu dân số | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| – Phân bố dân cư | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| – Đô thị hoá  | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế**  | –Các nguồn lực phát triển kinh tế | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| – Cơ cấu nền kinh tế | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| – Tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Địa lí các ngành kinh tế** | –Nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| – Công nghiệp | 8 |  |  | 1\* |  | a\* |  |  |  |
| – Dịch vụ | 8 |  |  | 1\* |  | a\* |  |  |  |
| **Tổng hợp chung** | **50%** | **40%** | **10%** | **0%** | 100 |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN: ĐỊA LÍ**

**Lớp 10**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Phân môn Địa lí** |
| **1** | **Địa lí dân cư** | – Dân số và sự phát triển dân số trên thế giới– Gia tăng dân số– Cơ cấu dân số– Phân bố dân cư– Đô thị hoá | **Nhận biết**– Trình bày được đặc điểm và tình hình phát triển dân số trên thế giới.– Trình bày được các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học (tuổi và giới), cơ cấu xã hội (lao động, trình độ văn hoá).– Trình bày được khái niệm Đô thị hoá- Trình bày được khái niệm về gia tăng dân số thực tế. | 1 |  |  |  |
| **2** | **Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế**  | – Các nguồn lực phát triển kinh tế– Cơ cấu nền kinh tế– Tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia | **Nhận biết**– Trình bày được khái niệm và phân loại các nguồn lực – Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế | 1 |  |  |  |
| **3** | **Địa lí các ngành kinh tế** | – Nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản | **Nhận biết**– Trình bày được đặc điểm của nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản.– Trình bày được đặc điểm của các ngành trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản.– Trình bày được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới.– Trình bày được quan niệm của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. | 2 |  |  |  |
| Công nghiệp | **Nhận biết**– Trình bày được đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp.- Trình bày được đặc điểm của một số ngành: khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm.– Trình bày được quan niệm của tổ chức lãnh thổ công nghiệp.**Thông hiểu**– Trình bày được vai trò ngành công nghiệp.– Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp. - Trình bày được vai trò của một số ngành: khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm.– Trình bày được vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp.– Giải thích được sự phân bố của một số ngành: khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm.- Phân biệt được vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp.– Nêu được những định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai.**Vận dụng** – Phân tích được tác động của công nghiệp đối với môi trường, sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo.– Đọc được bản đồ công nghiệp; vẽ và phân tích được biểu đồ về công nghiệp.**Vận dụng cao**– Thu thập tài liệu, trình bày và báo cáo được một vấn đề về công nghiệp. | 8 | 1\* | a\* |  |
|  |  | Dịch vụ | **Nhận biết**– Trình bày được cơ cấu, đặc điểm của dịch vụ.– Trình bày được đặc điểm của ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng. - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố các ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng trên thế giới.**Thông hiểu**– Trình bày được vai trò của dịch vụ.- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố dịch vụ.– Trình bày được vai trò của ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng. – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng; **Vận dụng** – Đọc và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê ngành dịch vụ.– Vẽ được biểu đồ, sơ đồ.**Vận dụng cao**– Liên hệ được các hoạt động dịch vụ tại địa phương.– Viết được báo cáo tìm hiểu về một ngành dịch vụ. | 8 | 1\* | a\* |  |
| Số câu/ loại câu |  | 20 câu TNKQ | 1 câu TL  | 1 câu TL | 0 câu TL |
| **Tổng hợp chung** |  | **50%** | **40%** | **10%** | **0%** |